

Bản án số: **141/2019/HC-ST**

Ngày: 09-8-2019

V/v khiếu kiện quyết định thu hồi,
hủy bỏ quyết định giao đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Phạm Thị Hoàng Phúc***

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà ***Công Thị Minh Lợi***

2. Bà ***Ngô Thị Ngọc Bích***

- Thư ký phiên tòa: Ông ***Nguyễn Văn Quyền***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà ***Ngô Thị Huyền Phương*** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/7/2019 và ngày 09/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 196/2017/TLST-HC ngày 14/6/2017 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HC ngày 15/7/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 131/2019/QĐST-HC ngày 29/7/2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông ***Lê Văn Q***, sinh năm 1961 (Có mặt)

2. Bà ***Nguyễn Thị L***, sinh năm 1963 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Ông ***Vũ Văn L***, sinh năm 1963; luật sư Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; nơi hành nghề: Công ty luật TNHH H; địa chỉ: Phường N, quận T, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án)

2. Anh ***Nguyễn Đình Q***, sinh năm 1990; luật sư Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; nơi hành nghề: Công ty luật TNHH H; địa chỉ: Phường N, quận T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M; địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông ***Đặng Văn T***; chức vụ: Chủ

tịch; là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân Thị trấn Đ, huyện M

2. Chị Lê Thị V, sinh năm 1987

3. Anh Lê Văn T, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND Thị trấn Đ (Vắng mặt)

2. Ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị V, anh Lê Văn T. (Giấy ủy quyền ngày 04/9/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị L đều là công nhân Quốc doanh thủy sản M. Ông Lê Văn Q nghỉ chế độ từ năm 1993. Năm 1995, Quốc doanh thủy sản M tiến hành thủ tục xin cấp đất làm nhà ở cho cán bộ công nhân viên quốc doanh. UBND tỉnh Hà Tây đã ban hành Quyết định số 115.QĐ/UB ngày 30/3/1995 thu hồi 3.600m² đất của Quốc doanh thủy sản M để giao cho UBND huyện M giải quyết cho cán bộ công nhân quốc doanh thủy sản M làm nhà ở. Ngày 01/12/1995 UBND huyện M ban hành Quyết định số 182.QĐ/UB về việc giao 72m² đất cho bà Nguyễn Thị L làm nhà ở. Năm 2000, vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng toàn bộ diện tích nhà đất được cấp nêu trên cho người khác.

Năm 1993, hộ ông Lê Văn Q được UBND huyện M giao 60m² đất để làm nhà ở tại Thị trấn Đ theo Quyết định số 392/2003/QĐ-UB ngày 13/8/2003. Ông Q đã bóc thăm vị trí đất được giao với số phiếu 01, đã nộp tiền sử dụng đất, nộp lệ phí trước bạ thì có đơn khiếu nại của công dân trong xã với lý do vợ chồng ông Q được cấp đất 02 lần.

Sau thời gian giải quyết khiếu nại, ngày 16/11/2016 UBND huyện M ban hành Quyết định số 2130/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 392/2003/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND huyện M về việc giao 60m² đất cho hộ ông Lê Văn Q (L) thị trấn T (nay là Thị trấn Đ) huyện M với lý do bà Nguyễn Thị L đã được UBND huyện M giao 72m² đất ở tại Công ty thủy sản và dịch vụ du lịch M trên địa bàn xã H theo Quyết định số 182.QĐ/UB ngày 01/12/1995.

Theo người khởi kiện là ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị L và luật sư trình bày:

Năm 1995, bà Nguyễn Thị L là công nhân Công ty thủy sản và dịch vụ du lịch M được công ty bán thanh lý nhà trên diện tích 72m² đất là việc mua bán bình thường không được áp dụng ưu tiên bất cứ chính sách miễn, giảm nào đối

với gia đình chính sách và không thuộc diện được cấp đất ở theo quy định của Luật đất đai. Năm 2000 do điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, gia đình ông bà đã bán nhà đất này và về ở nhờ nhà bố mẹ ông Q.

Thời điểm năm 2003, gia đình ông bà không có nhà ở đất ở, chưa được xem xét chính sách nhà ở đất ở cho gia đình thương binh, gia đình chính sách. Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 13/8/2003 của UBND huyện M giao 60m² đất ở cho gia đình ông là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật đất đai, đúng chính sách đối với gia đình thương binh.

UBND huyện M cho rằng gia đình ông bà đã được cấp đất ở năm 1995 theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 01/12/1995 là không đúng bởi nhà đất này gia đình ông bà bỏ tiền ra mua thanh lý của cơ quan bà L. Do vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND huyện M.

Theo UBND huyện M:

Gia đình ông Lê Văn Q (vợ là bà Nguyễn Thị L) được cấp 02 suất đất (01 suất tại xã H 72m² và 01 suất tại Thị trấn Đ 60m²) là không đúng quy định của UBND huyện M tại Văn bản số 42-CV/UB ngày 01/4/1994 Tiêu chuẩn cấp đất đợt 1 năm 1994 cho cán bộ, viên chức đang công tác, diện chưa được nhà nước cấp đất ở và thuê nhà kể cả vợ hoặc chồng. Bà Nguyễn Thị L cam kết trả lại 01 suất đất tại xã H để giữ 01 suất đất tại Thị trấn T (nay là Thị trấn Đ) nhưng không thực hiện được do đã chuyển nhượng đất này cho người khác (đơn đề ngày 29/11/2004). Thừa đất tại thị trấn T (nay là Thị trấn Đ) mới có Quyết định giao đất (Quyết định số 392/2003/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND huyện M), nhưng từ năm 2003 đến tháng 10/2016 chưa bàn giao đất tại thực địa (phần diện tích đất dự kiến giao cho gia đình ông Q hiện trạng vẫn là đất trống). Do vậy UBND huyện M ban hành Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 là đúng quy định pháp luật.

Theo UBND Thị trấn Đ:

Tiêu chuẩn, điều kiện tại thời điểm xét duyệt cấp đất ở năm 2001 dựa trên cơ sở của Luật đất đai 1993 sửa đổi bổ sung năm 1998, Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 01/02/1994 của UBND tỉnh Hà Tây và các điều kiện thực tế tại địa phương đã được thông qua tại Nghị quyết số 05NQ/HĐND ngày 29/11/2001 của Hội đồng nhân dân thị trấn T.

Sau khi UBND huyện M ban hành Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016, UBND Thị trấn Đ đã quản lý diện tích đất dự kiến giao cho hộ gia đình ông Q và hiện nay diện tích đất này vẫn để trống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét về tổ tụng Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; về nội dung xác định việc UBND huyện M cho rằng vợ ông Q đã được hưởng chính sách cấp đất từ năm 1995 nên nay không thuộc trường hợp được cấp đất giãn dân tại địa phương là không có căn cứ bởi lẽ: Chính sách cấp đất làm nhà cho cán bộ công nhân viên Công ty thủy sản và dịch vụ du lịch M được áp dụng cho toàn bộ cán bộ đang

làm việc tại công ty, thời điểm này ông Q đã nghỉ chế độ nên không được hưởng, theo danh sách cấp đất năm 1995, bà L được cấp theo tiêu chuẩn như những cán bộ, công nhân khác của công ty. Hộ gia đình ông Q thuộc trường hợp gia đình đông con, chỗ ở chật chội, bản thân là thương binh nên đủ điều kiện được cấp đất giãn dân theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thị trấn T đã thông qua năm 2000. Quyết định số 392/QĐ/UB ngày 13/8/2003, giao 60m² đất cho hộ gia đình ông Lê Văn Q (L), thị trấn T, huyện M làm nhà ở là không vi phạm các quy định về đất đai. Yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 392/2003/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND huyện M của ông Q, bà L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị L, hủy Quyết định 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 392/2003/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND huyện M. UBND huyện M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Quyết định số 2130 ngày 16/11/2016 của UBND huyện M về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 392/2003/QĐ-UBND ngày 13/8/2003 của UBND huyện M về việc giao 60m² đất cho hộ ông Lê Văn Q (L), thị trấn T (nay là Thị trấn Đ) huyện M làm nhà ở là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Ngày 16/02/2017, ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị L gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo qua dịch vụ bưu chính là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Bà Nguyễn Thị L là thành viên trong hộ gia đình ông Lê Văn Q nên bà Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện. Các con của ông Q, bà L cũng là thành viên trong hộ gia đình và UBND Thị trấn Đ là cơ quan được giao quản lý diện tích đất sau khi có Quyết định số 2130 ngày 16/11/2016 của UBND huyện M là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND huyện M do Chủ tịch huyện ký thay mặt UBND huyện được ban hành trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực đất đai là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 16, Khoản 5 Điều 22, Điểm a Khoản 2 Điều 66 Luật đất đai; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[4.1] Lý do UBND huyện M thu hồi, hủy bỏ quyết định giao đất làm nhà ở cho hộ ông Lê Văn Q là bà Nguyễn Thị L (vợ ông Q) đã được UBND huyện M giao 72m² đất ở tại Công ty thủy sản và dịch vụ du lịch M trên địa bàn xã H

theo Quyết định số 182.QĐ/UB ngày 01/12/1995 là không có căn cứ pháp luật bởi những lý do sau:

[4.1.1] Ban đầu, với Văn bản số 851/UBND-TNMT ngày 03/7/2017, UBND huyện M cho rằng gia đình ông Lê Văn Q được cấp 02 suất đất là không đúng quy định của Luật đất đai 1993 sửa đổi bổ sung năm 2001, Nghị định 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001, Quyết định số 2010/QĐ-UB ngày 28/11/2001 của UBND tỉnh Hà Tây và Văn bản số 339CV/UB-XDCB ngày 31/01/2002 của UBND tỉnh Hà Tây nhưng cũng không cung cấp các văn bản này để chứng minh. Sau đó, UBND huyện M lại có Văn bản số 1315/UBND-TNMT ngày 21/9/2018 thay thế Văn bản số 851/UBND-TNMT ngày 03/7/2017 với căn cứ gia đình ông Q được cấp 02 suất đất là không đúng quy định của UBND huyện M tại Văn bản số 42-CV/UB ngày 01/4/1994.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Văn bản số 42-CV/UB ngày 01/4/1994 là văn bản của Hội đồng xét duyệt cấp đất huyện M quy định tiêu chuẩn cấp đất cho cán bộ viên chức đang công tác, còn thời điểm ban hành Quyết định số 392/2003/QĐ-UB ngày 13/8/2003 về việc giao 60m² đất cho hộ ông Lê Văn Q (L) hay cả tại thời điểm ban hành Quyết định số 182.QĐ/UB ngày 01/12/1995 cấp đất cho bà L thì bà L và ông Q đều không phải là cán bộ viên chức. Do đó, căn cứ UBND huyện cho rằng gia đình ông Q được cấp 02 suất đất là không đúng quy định của UBND huyện M tại Văn bản số 42-CV/UB ngày 01/4/1994 là không có cơ sở.

[4.1.2] Diện tích 72m² đất ở tại Công ty thủy sản và dịch vụ du lịch M (xã H) do UBND huyện M giao tại Quyết định số 182.QĐ/UB ngày 01/12/1995 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giao/cấp cho cá nhân bà Nguyễn Thị L theo tiêu chuẩn của bà L là công nhân Quốc doanh thủy sản huyện M, không có tiêu chuẩn của ông Q vì ông Q đã nghỉ chế độ, không còn là công nhân viên của Công ty thủy sản và dịch vụ du lịch M - tên gọi mới của Quốc doanh thủy sản huyện M tại thời điểm Công ty tiến hành thủ tục xét duyệt và xin cấp đất cho cán bộ công nhân viên làm nhà ở (Xác nhận ngày 10/8/1997 của Công ty thủy sản và dịch vụ du lịch M). Mặt khác, Quyết định số 182.QĐ/UB ngày 01/12/1995 cũng không phải là giao cho hộ gia đình bà L (có chồng và 02 con) mà là giao cho cá nhân bà L vì theo Nghị quyết ngày 20/7/1994 của Quốc doanh thủy sản huyện M và Danh sách hộ gia đình xin cấp đất thì không phân biệt số khẩu trong 01 hộ nhiều hay ít đều được cấp định mức là 60m² đất.

[4.1.3] Ngày 15/9/1996, ông Lê Văn Q có Đơn xin cấp đất làm nhà ở cho gia đình với lý do gia đình ông hiện có 21 khẩu với 07 hộ gia đình. Đến ngày 23/9/2000, hộ gia đình ông Lê Văn Q (T – bố của ông Q) là một trong 10 hộ gia đình được Hội đồng nhân dân thị trấn T thông qua tại kỳ họp thứ 3 khóa 16 ngày 25/7/2000 (Biên bản họp hội đồng nhân dân giới thiệu, bình xét những hộ gia đình đề nghị được xét cấp đất ở năm 2000). Tuy nhiên, hộ gia đình ông Q đã không được Hội đồng xét cấp đất duyệt cấp đợt năm 2002. Đến năm 2003, hộ ông Lê Văn Q mới được Hội đồng xét cấp đất thị trấn T

duyet trình cấp có thẩm quyền cấp đất ở năm 2003 theo Biên bản hội nghị Hội đồng xét cấp đất cho nhân dân thị trấn T làm nhà ở ngày 13/6/2003. Theo biên bản này thể hiện, ông Q thuộc đối tượng thương binh hạng 4/4, gia đình hiện sử dụng 572m² trên số hộ gia đình là 04 hộ, được cấp 60m² đất.

UBND Thị trấn Đ cho rằng việc cấp đất cho hộ ông Q là căn cứ Nghị quyết số 05NQ/HĐND ngày 29/11/2001 nhưng nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị trấn T khóa 16 kỳ họp thứ 2 ngày 11/3/2000 thông qua, còn khi Hội đồng nhân dân thị trấn T khóa 16 kỳ họp thứ 3 ngày 25/7/2000 đã được Hội đồng nhân dân thị trấn T thông qua tại kỳ họp thứ 3 khóa 16 ngày 25/7/2000.

Theo Biên bản kiểm tra hồ sơ xin cấp đất thị trấn T ngày 12/12/2001 của Phòng địa chính huyện M và Biên bản xác minh của Tòa án ngày 05/8/2019 tại UBND huyện M và UBND Thị trấn Đ, việc cấp đất cho hộ ông Lê Văn Q là cấp đất giãn dân theo tiêu chuẩn, điều kiện là giảm bớt khó khăn cho các gia đình đã tách hộ, chưa có đất ở, những hộ đất ở quá chật hẹp, cùng với các hộ gia đình chính sách và gia đình có công với cách mạng. Như vậy, diện tích đất ông Q được cấp không phải là cấp theo tiêu chuẩn của vợ chồng ông Q mà là theo tiêu chuẩn của 04 hộ gia đình bố mẹ, anh chị em của ông Q. Ông Q là thương binh nên được cộng điểm nhiều hơn các gia đình khác tương đồng về tiêu chí khi họp bình xét. UBND Thị trấn Đ cũng xác định gia đình bố mẹ, anh chị em ông Q chỉ được cấp 01 suất đất giãn dân đứng tên ông Q.

[4.1.4] Việc cá nhân bà L được cấp đất năm 1995 theo tiêu chuẩn công nhân quốc doanh, còn hộ gia đình ông Q được cấp đất năm 2003 theo tiêu chuẩn giãn dân là những tiêu chuẩn, điều kiện khác nhau, không cùng một tiêu chuẩn và không phải là một cặp vợ chồng được cấp đất 02 lần.

Mặt khác, Luật đất đai 1993 (luật có hiệu lực vào thời điểm có quyết định giao đất cho ông Q) và Luật đất đai 2013 (luật có hiệu lực vào thời điểm có quyết định thu hồi quyết định giao đất) và các văn bản hướng dẫn thi hành đều không có điều luật nào quy định một hộ gia đình không được Nhà nước giao đất 02 lần hay Nhà nước chỉ giao đất một lần cho vợ hoặc chồng. UBND huyện M cũng không cung cấp được văn bản, tài liệu quy định 01 hộ gia đình trên địa bàn huyện M chỉ được cấp 01 suất đất ở.

[5] Mặc dù, Quyết định số 392/2003QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND huyện M có quy định giao các phòng ban, cơ quan có thẩm quyền tổ chức cắm mốc tại thực địa giao đất ở cho hộ ông Lê Văn Q theo đúng trích lục bản đồ ngày 19/12/2001 của Phòng địa chính huyện. Tuy nhiên Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001 cùng các văn bản hướng dẫn đều không quy định về việc tổ chức thực hiện quyết định giao đất đối với hộ gia đình, cá nhân mà chỉ có quy định tổ chức thực hiện quyết định giao đất đối với tổ chức kinh tế được giao đất để đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê tại Điều 20 Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ; khi tổ chức thực hiện quyết định giao đất thì cơ quan có thẩm quyền bàn giao mốc giới trên thực địa theo quyết định giao đất.

Sau khi có quyết định giao đất, ông Q đã thực hiện nghĩa vụ của người được giao đất, đã nộp tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ; đã gấp thăm diện tích gia đình được cấp tại sổ phiếu 01 Khu Rặng Cà Đường 431 nhưng chưa được bàn giao trên thực địa là do có đơn thư của công dân. Theo sơ đồ giải thửa do UBND Thị trấn Đ cung cấp, ô đất mang số phiếu 01 có chiều rộng 5m, chiều dài 12m, có mặt tiền giáp đường 431 và giáp đường mương, cạnh đối diện đường mương giáp ô đất mang số phiếu 02.

Theo xem xét, thẩm định tại chỗ, gia đình ông Q hiện đang trồng một số loại cây ngắn ngày trên thửa đất mà ông Q gấp thăm được. Do đó, việc UBND huyện M cho rằng chưa tổ chức thực hiện cắm mốc tại thực địa giao đất ở cho hộ ông Lê Văn Q nên UBND huyện không ban hành quyết định thu hồi đất mà chỉ ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ quyết định giao đất là không có căn cứ.

[6] Hộ ông Lê Văn Q giao 60m² đất tại thị trấn T (nay là Thị trấn Đ) huyện M để làm nhà ở theo Quyết định số 392/2003QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND huyện M. Theo quy định tại Điều 20 Luật đất đai 1993 được sửa đổi bổ sung năm 1998 Nhà nước chỉ thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Luật đất đai. Điều 26 và Điều 27 của Luật đất đai 1993 được sửa đổi bổ sung năm 2001 không có trường hợp nào bị thu hồi đất do người sử dụng đất đã được cấp 02 suất đất hay cả 02 vợ chồng đều được địa phương cấp đất ở.

Khoản 4 Điều 13 Luật đất đai 2013 quy định một trong những quyền của Nhà nước là quyền thu hồi đất, không quy định quyền thu hồi quyết định giao đất. Khoản 11 Điều 3 Luật đất đai 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua quyết định giao đất (Khoản 2 Điều 17 Luật đất đai 2013). Nghĩa vụ của người sử dụng đất là giao lại quyền sử dụng đất khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất (Khoản 7 Điều 170 Luật đất đai 2013). Hộ gia đình ông Q đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất được giao từ năm 2003. UBND huyện M muốn thu hồi lại quyền sử dụng đất đã giao cho hộ ông Lê Văn Q trước đó 13 năm nếu có căn cứ cho rằng đất được giao không đúng đối tượng thì UBND huyện M phải ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 64 Luật đất đai 2013 chứ không phải ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ quyết định giao đất.

Từ những phân tích, nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND huyện M về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 392/2003QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND huyện M về việc giao 60m² đất cho hộ ông Lê Văn Q (L) thị trấn T (nay là Thị trấn Đ) huyện M làm nhà ở là không có căn cứ, trái quy định của pháp luật, cần tuyên hủy.

[7] Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị L được chấp nhận nên ông bà không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Q, bà L. UBND huyện M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001; Luật đất đai năm 2013; Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị L về việc hủy Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND huyện M.

Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND huyện M về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 392/2003/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND huyện M về việc giao 60m² đất cho hộ ông Lê Văn Q (L) thị trấn T (nay là Thị trấn Đ) huyện M làm nhà ở.

Trả lại cho ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị L số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4682 ngày 18/5/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân huyện M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

